TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/DS-ST
Ngày: 27-8-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ
2. Ông Nguyễn Văn Giữ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị P, sinh năm 1966 nơi cư trú: Ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1987 ngụ cùng địa chỉ là đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 08 tháng 8 năm 2018 (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2018 nguyên đơn bà Lý Thị P trình bày: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kh có vay của bà 115.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/07/2016 vay 15.000.000 đồng và biên nhận ngày 17/4/2017 vay 100.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/tháng. Ông S, bà Kh có thế chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 2.600m^2 đất trồng lúa, tọa lạc ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang số H00610eF cấp ngày 27/6/2007. Sau khi vay, bà

nhiều lần yêu cầu trả vốn và lãi nhưng ông S bà Kh không thực hiện. Nay bà P yêu cầu ông S, bà Kh trả lại tiền vay 115.000.000đ và trả lãi kể từ ngày vay đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông S cho rằng ông và bà Kh (vơ ông) có vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/4/2018, còn tiền vay 15.000.000 đồng là do bà Kh trước đây vay của bà P 250.000.000 đồng nhưng bà P tính lãi cộng vốn ra hơn 280.000.000 đồng. Bà P có nói vợ chồng ông lo trả bà sẽ bớt lãi nhưng khi trả còn mười mấy triệu bà P không bớt như đã hứa mà còn buộc bà Kh ký nhận nợ 15.000.000 đồng. Ông S đồng ý trả tiền vay 100.000.000 đồng và lãi nhưng xin trả dần; còn 15.000.000 đồng bà Kh vay bà Kh chịu trách nhiệm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Kh là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Kh vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Khoe theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Phí yêu cầu vợ chồng ông S, bà Kh trả tiền vay theo hai biên nhận nợ ngày 29/7/2016 15.000.000 đồng, ngày 17/4/2017 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ông S thừa nhận ông và bà Kh có vay 100.000.000 đồng cùng ký biên nhận với lãi suất 3%/tháng, từ khi vay đến nay do vợ chồng mâu thuẫn bà Kh bỏ đi nên chưa trả vốn và lãi. Ông S đồng ý trả tiền vay nhưng xin trả dần và bỏ lãi không được đại diện ủy quyền của bà P đồng ý, do đó Hội đồng xét xử buộc ông S, bà K có nghĩa vụ liên đới trả vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngay vay đến nay theo quy định pháp luật. Các bên thỏa thuận lãi vay 3%/tháng là cao, được đại diện nguyên đơn đồng ý điều chỉnh theo mức lãi 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền lãi được tính như sau: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 04 tháng 10 ngày = 27.221.000 đồng. Đại diện nguyên đơn thừa nhận trước đây bà Khoe một mình vay 250.000.000 đồng trả còn lại 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/7/2016; ông S không đồng ý cùng bà Kh trả tiền vay 15.000.000 đồng. Biên nhận nợ ngày 29/7/2016 bà Kh ký tên vay tiền, không ghi lãi suất nên chỉ buộc bà Kh trả tiền vốn vay 15.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 có mức lãi 9%/năm (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử là 15.000.000 x 9%/năm x 02 năm 28 ngày = 2.805.000 đồng.

Biên nhận ngày 17/4/2017, ông S bà Kh thế chấp cho bà P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00610eF cấp ngày 27/6/2007 để bảo đảm trả tiền vay. Việc thế chấp hai bên không lập hợp đồng thế chấp bằng văn bản có chứng thực hoặc công chứng của cơ quan có thẩm quyền và chưa được đăng ký thế chấp nên không có hiệu

lực pháp luật. Bà P có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà Kh.

[3] Về án phí:

Ông S, bà Kh cùng phải chịu 6.361.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Kh phải chịu 890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Ph về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kh có nghĩa vụ liên đới trả bà Lý Thị Ph vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 27.221.000 đồng, tổng cộng 127.221.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kh có nghĩa vụ trả bà Lý Thị Ph vốn vay 15.000.000 đồng và lãi 2.805.000 đồng, tổng 17.805.000 (Mười bảy triệu tám trăm lẽ năm nghìn đồng).

Bà P có nghĩa vụ trả lại cho ông S, bà Kh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00610eF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 27/6/2007.

Kể từ ngày bà Phí có đơn yêu cầu thi hành án, ông S và bà Kh không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 368 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ông S, bà Kh cùng phải chịu 6.361.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Kh phải chịu 890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ph được nhận lại 2.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0002539 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Kh vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn